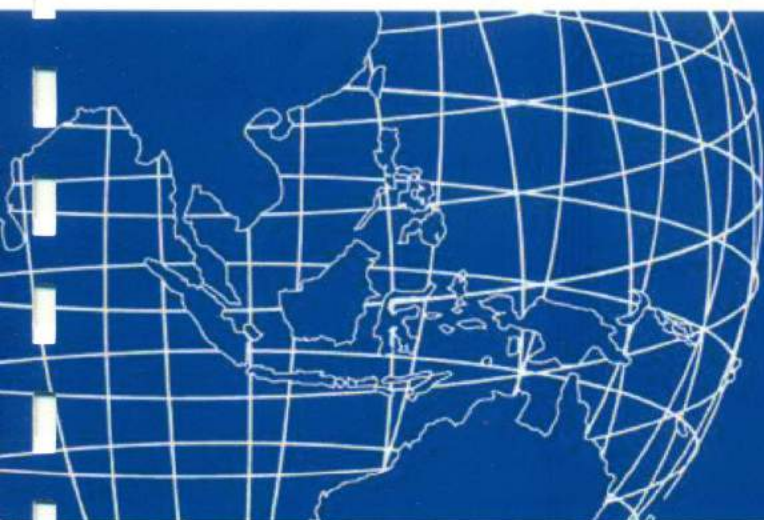


ASIA DRAGON

Auditing & Appraisal Co., Ltd.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**



ADAC

Auditing & Appraisal

Our core value - Your real success

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

NỘI DUNG	TRANG
1. Thông tin về doanh nghiệp	2 - 3
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	12
7. Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)	13 - 31

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng đăng ký kinh doanh

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công Ích Quận Phú Nhuận được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301440501-1 ngày 11 tháng 10 năm 2010 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi đến lần thứ 4 vào ngày 24 tháng 6 năm 2016.

Hội đồng thành viên

Ông VŨ THỂ THỊNH
Ông ĐÀO MẠNH LINH

Chủ tịch
Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông LƯU PHƯỚC THÀNH

Kiểm soát viên

Ban Giám đốc

Ông ĐÀO MẠNH LINH
Ông PHAN HỮU TUẤN
Bà HOÀNG MỘNG NGỌC
Ông ĐÔN ĐỨC THANH

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc
Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Ông ĐÀO MẠNH LINH

Giám đốc

Trụ sở chính

49 Bùi Văn Thềm, Phường 09, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ

57.163.000.000 VND

Điện thoại

(028) 38 443 922

Fax

(028) 38 443 922

Mã số thuế

0 3 0 1 4 4 0 5 0 1

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Hoạt động chính của Công ty

Quét dọn, thu gom và vận chuyển các loại rác đô thị trên địa bàn; quản lý duy tu bảo dưỡng và xây dựng các công trình hạ tầng đô thị theo phân cấp quản lý và chỉ tiêu kế hoạch của Nhà nước giao. Quản lý và ký hợp đồng cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước, duy tu sửa chữa nâng cấp nhà theo chỉ tiêu kế hoạch. Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp. Sản xuất kinh doanh vật tư xây dựng và trang trí nội thất. Quản lý công viên và cây xanh. Thi công lắp đặt hệ thống cấp nước. Tưới cây, rửa đường. Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế nội ngoại thất công trình. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Sửa chữa ô tô. Đầu tư xây dựng phát triển - kinh doanh nhà. Mua bán hoa kiểng, các loại vật tư, phân bón dùng cho hoa kiểng (trừ thuốc bảo vệ thực vật). Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí xây dựng, cơ khí ô tô, sản phẩm kết cấu bằng kim loại. Xây dựng, lắp ghép khung nhà, kho. Nghiên cứu, đánh giá tác động môi trường và xử lý nước thải công nghiệp. Kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại. Sản xuất vật phẩm quảng cáo. Tổ chức lễ hội, hội nghị, hội thảo, triển lãm thương mại. Tiếp thị. Bảo trì, sửa chữa, duy tu hệ thống chiếu sáng công cộng. Sửa chữa, lắp đặt hệ thống điện lạnh, thông gió dân dụng và công nghiệp. Nhà hàng ăn uống. Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa. Đào tạo lái xe. Tư vấn lập dự án đầu tư. San lấp mặt bằng./.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm Định giá Asia Dragon ("ADAC")

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 7 đến trang 31).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hằng năm thể hiện một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở thực hiện đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại mọi thời điểm và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm của năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được soạn thảo trung thực và hợp lý, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan tại nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



Đào Mạnh Linh

Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2019

Số: 009/2019/BCKT-ADAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc**
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận Phú Nhuận, được lập ngày 26 tháng 01 năm 2019, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Như đã nêu tại mục V.17 Thuyết minh Báo cáo tài chính, Quỹ lương năm 2018 là quỹ lương tạm trích, đang chờ Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét duyệt;
- Cho đến thời điểm lập Báo cáo kiểm toán này, Doanh thu về hoạt động vận chuyển rác của Công ty vẫn chưa được Phòng Tài Nguyên Môi trường Quận Phú Nhuận quyết toán giá trị và một số doanh thu hoạt động xây lắp chưa được quyết toán giá trị nghiệm thu. Do đó, các doanh thu nêu trên cũng như giá vốn, lợi nhuận tương ứng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh trong năm của Công ty. Số liệu này có thể sẽ bị thay đổi khi có số liệu đã thẩm tra quyết toán cuối cùng của Sở Tài Nguyên Môi Trường và khách hàng xây lắp của Công ty;

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

- Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận về các khoản công nợ phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do đó, giá trị sổ sách các khoản công nợ trên được ghi nhận theo số liệu Công ty cung cấp.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận Phú Nhuận tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2019

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm Định giá Asia Dragon



Lê Xuân Vinh – Tổng Giám đốc

Số GCNĐKHN Kiểm toán: 1208-2018-254-01

Đinh Minh Tuấn – Kiểm toán viên

Số GCNĐKHN Kiểm toán: 3203-2018-254-1

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 01 - DN

(Đơn vị tính: VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
1	2	3	4	5
A. Tài sản ngắn hạn (100 = 110+120+130+140+150)	100		133.544.847.461	119.085.261.784
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	52.472.962.434	36.731.697.016
1. Tiền	111		52.472.962.434	36.731.697.016
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		55.577.229.284	63.618.540.340
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	47.464.040.506	58.743.570.848
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	1.473.994.600	656.322.249
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.04	2.000.000.000	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	4.739.811.554	4.319.264.619
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(100.617.376)	(100.617.376)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		25.486.784.530	18.735.024.428
1. Hàng tồn kho	141	V.07	25.486.784.530	18.735.024.428
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.871.213	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	7.871.213	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. Tài sản dài hạn (200 = 210+220+240+250+260)	200		43.872.686.937	45.950.411.744
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		35.000.000	35.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.09	35.000.000	35.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 01 - DN

(Đơn vị tính: VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
1	2	3	4	5
II. Tài sản cố định	220		22.640.647.894	23.538.252.528
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	22.640.647.894	23.538.252.528
- Nguyên giá	222		45.610.940.088	43.021.286.061
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.970.292.194)	(19.483.033.533)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	21.043.449.306	21.490.412.322
- Nguyên giá	231		34.922.848.137	34.922.848.137
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(13.879.398.831)	(13.432.435.815)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	479.782.076
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	-	479.782.076
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		153.589.737	406.964.818
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	153.589.737	406.964.818
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Tổng cộng tài sản (270 = 100+200)	270		177.417.534.398	165.035.673.528

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 01 - DN

(Đơn vị tính: VND)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
1	2	3	4	5
A. Nợ phải trả (300 = 310+330)	300		76.460.519.152	68.124.818.385
I. Nợ ngắn hạn	310		58.890.750.718	55.360.136.385
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	26.421.341.203	14.583.099.905
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	7.668.377.532	4.097.115.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	7.740.197.204	21.388.885.855
4. Phải trả người lao động	314	V.17	3.894.207.161	2.580.436.893
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	8.650.146.228	8.844.758.092
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	4.516.481.390	3.865.840.640
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		17.569.768.434	12.764.682.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20	3.834.600.000	3.855.600.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21	11.461.686.434	7.199.600.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.22	2.273.482.000	1.709.482.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 01 - DN

(Đơn vị tính: VND)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
1	2	3	4	5
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410+430)	400		100.957.015.246	96.910.855.143
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	79.569.068.955	75.522.908.852
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		57.163.000.000	57.163.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.380.351.382	3.317.922.718
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		44.439.247	44.439.247
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.981.278.326	14.997.546.887
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		21.387.946.291	21.387.946.291
1. Nguồn kinh phí	431		4.770.070.639	4.770.070.639
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		16.617.875.652	16.617.875.652
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300+400)	440		177.417.534.398	165.035.673.528

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2019



Đào Mạnh Linh
Giám đốc

Đôn Đức Thanh
Kế toán trưởng

Đôn Đức Thanh
Người lập biểu

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 02 - DN

(Đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2018	2017
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	213.948.202.991	162.018.453.618
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.01	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.01	213.948.202.991	162.018.453.618
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	185.491.429.147	134.105.835.992
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		28.456.773.844	27.912.617.626
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	203.920.285	481.021.124
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	346.626.301	191.539.000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		346.626.301	191.539.000
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	9.327.385.772	12.231.893.279
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		18.986.682.056	15.970.206.471
11. Thu nhập khác	31	VI.06	364.449.495	2.890.326.183
12. Chi phí khác	32	VI.07	499.626.915	90.879.237
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(135.177.420)	2.799.446.946
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		18.851.504.636	18.769.653.417
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	3.870.226.310	3.772.106.530
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		14.981.278.326	14.997.546.887

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2019



Đào Mạnh Linh
Giám đốc

Đôn Đức Thanh
Kế toán trưởng

Đôn Đức Thanh
Người lập biểu

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 03 - DN

(Đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2018	2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		248.149.694.824	173.341.181.879
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(112.196.610.941)	(66.423.940.956)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(45.192.628.559)	(31.040.080.250)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(346.626.301)	(191.539.000)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(4.409.068.739)	(2.721.921.046)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		27.759.523.439	14.883.890.784
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(100.461.881.388)	(78.792.212.070)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.302.402.335	9.055.379.341
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(2.027.143.636)	(962.235.345)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		203.920.285	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.823.223.351)	(962.235.345)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		15.316.345.272	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(11.054.258.838)	(800.400.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.262.086.434	(800.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		15.741.265.418	7.292.743.996
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.01	36.731.697.016	29.438.953.020
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.01	52.472.962.434	36.731.697.016

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2019



Đào Mạnh Linh
Giám đốc

Đôn Đức Thanh
Kế toán trưởng

Đôn Đức Thanh
Người lập biểu

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, 100% vốn nhà nước.
2. **Lĩnh vực hoạt động kinh doanh:** Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh**

Quét dọn, thu gom và vận chuyển các loại rác đô thị trên địa bàn; quản lý duy tu bảo dưỡng và xây dựng các công trình hạ tầng đô thị theo phân cấp quản lý và chỉ tiêu kế hoạch của Nhà nước giao. Quản lý và ký hợp đồng cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước, duy tu sửa chữa nâng cấp nhà theo chỉ tiêu kế hoạch. Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp. Sản xuất kinh doanh vật tư xây dựng và trang trí nội thất. Quản lý công viên và cây xanh. Thi công lắp đặt hệ thống cấp nước. Tưới cây, rửa đường. Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế nội ngoại thất công trình. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Sửa chữa ô tô. Đầu tư xây dựng phát triển - kinh doanh nhà. Mua bán hoa kiểng, các loại vật tư, phân bón dùng cho hoa kiểng (trừ thuốc bảo vệ thực vật). Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí xây dựng, cơ khí ô tô, sản phẩm kết cấu bằng kim loại. Xây dựng, lắp ghép khung nhà, kho. Nghiên cứu, đánh giá tác động môi trường và xử lý nước thải công nghiệp. Kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại. Sản xuất vật phẩm quảng cáo. Tổ chức lễ hội, hội nghị, hội thảo, triển lãm thương mại. Tiếp thị. Bảo trì, sửa chữa, duy tu hệ thống chiếu sáng công cộng. Sửa chữa, lắp đặt hệ thống điện lạnh, thông gió dân dụng và công nghiệp. Nhà hàng ăn uống. Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa. Đào tạo lái xe. Tư vấn lập dự án đầu tư. San lấp mặt bằng./.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 160 nhân viên đang làm việc.

6. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** Không có.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là năm tài chính thứ 8 của Công ty.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

- Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 - "Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp" và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 - "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200" của Bộ Tài chính ban hành thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ban hành, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

- Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

- Công ty sử dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

- Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi được thực hiện theo nguyên tắc sau:
 - Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
 - Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.
- Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp”.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

6. Chi phí trả trước

- Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:
 - **Công cụ, dụng cụ**
 - Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.
 - **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**
 - Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận

• Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ. Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới TSCĐ, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình, xây mới văn phòng làm việc.
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được theo dõi chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình và từng khoản mục chi phí cụ thể.

9. Bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận

- Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.
- Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.
- Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

Phương pháp khấu hao

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

- Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.
- Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:
 - Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
 - Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:
 - Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
 - Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
- Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng 3% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chỉ cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau./tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

12. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

- *Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu*
- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- *Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

• *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

• *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy, trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

• *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

• *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng
- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

- *Doanh thu bán bất động sản*

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.
- Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.
- Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.
- Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.
- Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.
- Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

15. Các bên liên quan

- Các bên liên quan của Công ty bao gồm các doanh nghiệp và cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều trung gian kiểm soát hoặc kiểm soát bởi, hoặc dưới sự kiểm soát chung của một công ty bao gồm công ty mẹ, các công ty con và các công ty liên kết. Các tổ chức và các cá nhân sở hữu trực tiếp hay gián tiếp, có quyền biểu quyết ảnh hưởng quan trọng trong việc kinh doanh của công ty, các cá nhân tham gia điều hành công ty cấp cao bao gồm các giám đốc và các nhân viên trong công ty cũng như người thân của các cá nhân này cùng các công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.
- Việc xác định các mối quan hệ với các bên liên quan phụ thuộc trực tiếp đến bản chất của mối quan hệ và không chỉ đơn thuần là hình thức pháp lý.

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác: theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
- Tiền mặt	704.970.778	511.003.389
• Tiền mặt - VND	704.970.778	511.003.389
- Tiền gửi ngân hàng	51.767.991.656	36.220.693.627
• Tiền gửi ngân hàng - VND	51.767.991.656	36.220.693.627
➢ Ngân hàng Vietcombank	2.951.872.790	1.500.364.714
➢ Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn - CN Phú Nhuận	8.580.060.750	4.762.421.460
➢ Ngân hàng Quân đội	27.336.358.680	12.807.442.744
➢ Ngân hàng Viettinbank	12.899.699.436	17.120.934.571
➢ Ngân hàng TMCP Công thương CN 3	-	7.879.489
➢ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN chi nhánh PN	-	8.143.988
➢ Ngân hàng Đông Á chi nhánh Phan Xích Long	-	13.506.661
Cộng	<u>52.472.962.434</u>	<u>36.731.697.016</u>

02. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	47.464.040.506	58.743.570.848
- Công ty CP Xây lắp và Vật tư Xây dựng 2	-	3.080.000.000
- Công ty CP TBS Thành Phong	-	7.082.801.015
- Liên đoàn Lao Động Quận Phú Nhuận	-	2.431.786.000
- Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Phú Nhuận	5.940.000.000	5.940.000.000
- Ban Quản lý Đầu tư Công trình quận Phú Nhuận	15.134.838.618	21.217.544.127
- Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TP.HCM	5.130.606.313	5.130.606.313
- Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình huyện Bình Chánh	457.231.000	1.818.307.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

02. Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo)

	31/12/2018	01/01/2018
- Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình quận 3	15.933.112.457	365.921.869
- Công ty CP Tiến bộ Quốc tế AIC	632.674.395	587.278.585
- Công ty CP Xây Dựng TMTH Không Gian Xanh	1.063.092.500	2.372.253.000
- Đối tượng khác	3.172.485.223	8.717.072.939
Cộng	47.464.040.506	58.743.570.848

03. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	1.473.994.600	656.322.249
- Công ty TNHH MTV Thiết kế In ấn và DV Quảng Cáo Nét Việt	-	62.568.000
- Công ty TNHH XD-DV-TM Trung Trực	295.021.000	295.021.000
- Công ty CP Cấp Nước Gia Định	60.000.000	64.199.049
- Công ty TNHH TMDV TKXD Hợp Phát	800.000.000	-
- Nhà máy bê tông đúc sẵn Hùng Vương	133.128.500	-
- Đối tượng khác	185.845.100	234.534.200
Cộng	1.473.994.600	656.322.249

04. Phải thu nội bộ ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
- Phải thu ngắn hạn nội bộ khác	2.000.000.000	-
➢ <i>Xí nghiệp tư vấn thiết kế xây dựng</i>	2.000.000.000	-
Cộng	2.000.000.000	-

05. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018	01/01/2018
- Bảo hiểm nộp thừa	424.791.191	94.706.340
- Tạm ứng	-	2.075.000.000
➢ <i>Vũ Thị Phương</i>	-	50.000.000
➢ <i>Xí nghiệp tư vấn thiết kế xây dựng</i>	-	2.015.000.000
➢ <i>Đối tượng khác</i>	-	10.000.000
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.308.738.802	1.199.758.262
➢ <i>Ký quỹ thực hiện hợp đồng</i>	2.308.738.802	1.199.758.262
- Phải thu ngắn hạn khác	2.006.281.561	949.800.017
➢ <i>Thanh toán chi phí bản vẽ</i>	161.415.800	161.415.800
➢ <i>Công ty CP Thiết bị Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Công trình</i>	1.724.447.000	500.000.000
➢ <i>Phí vệ sinh</i>	104.924.217	284.884.217
➢ <i>Đối tượng khác</i>	15.494.544	3.500.000
Cộng	4.739.811.554	4.319.264.619

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN***(Đơn vị tính: VND)***06. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2018	01/01/2018
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(100.617.376)	(100.617.376)
➤ Công ty CP cấp nước Gia Định	(100.617.376)	(100.617.376)
Cộng	(100.617.376)	(100.617.376)

07. Hàng tồn kho

	31/12/2018	01/01/2018
- Nguyên liệu, vật liệu	477.244.172	345.578.099
- Công cụ, dụng cụ	15.235.000	1.585.000
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	16.559.424.274	9.736.129.025
- Hàng hoá - Cây cảnh	-	45.518.122
- Hàng hoá bất động sản - giá trị 58 căn nhà chung cư Nhiều Túr	8.434.881.084	8.606.214.182
Cộng	25.486.784.530	18.735.024.428

(*) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm các công trình:

	Giá trị
➤ Tường rào Trường TH Hồ Văn Huê	997.676.409
➤ Nâng cấp, mở rộng đường số 12 - Quốc lộ 1	3.856.718.298
➤ Xây dựng Trường THPT Lê Quý Đôn	1.730.974.564
➤ Xây dựng Trường MN Phước Long A	2.432.776.424
➤ Xây dựng Trường Tiểu học Phước Long A	2.152.008.678
➤ Xây dựng kho tang vật quận Gò Vấp	3.539.328.663
➤ Công trình khác	1.849.941.238
Cộng	16.559.424.274

08. Chi phí trả trước ngắn hạn

	01/01/2018	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí	31/12/2018
- Công cụ dụng cụ	-	9.445.455	1.574.242	7.871.213
Cộng	-	9.445.455	1.574.242	7.871.213

09. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2018	01/01/2018
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	35.000.000	35.000.000
➤ Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Tây Nam	30.000.000	30.000.000
➤ Công ty Cổ Phần Ánh Dương Việt Nam	5.000.000	5.000.000
Cộng	35.000.000	35.000.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
01/01/2018	12.205.302.467	1.165.522.635	29.417.489.107	232.971.852	43.021.286.061
Mua trong năm	-	2.007.681.818	1.665.470.909	96.400.000	3.769.552.727
Thanh lý, nhượng bán	-	156.000.000	1.023.898.700	-	1.179.898.700
Phân loại lại	-	481.705.455	(654.545.455)	172.840.000	-
31/12/2018	12.205.302.467	3.498.909.908	29.404.515.861	502.211.852	45.610.940.088
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2018	9.130.198.875	731.803.305	9.388.059.501	232.971.852	19.483.033.533
Khấu hao trong năm	302.199.552	440.113.858	3.867.230.619	57.613.332	4.667.157.361
Thanh lý, nhượng bán	-	156.000.000	1.023.898.700	-	1.179.898.700
Phân loại lại	50.000	182.305.098	(245.454.543)	63.099.445	-
31/12/2018	9.432.448.427	1.198.222.261	11.985.936.877	353.684.629	22.970.292.194
Giá trị còn lại					
01/01/2018	3.075.103.592	433.719.330	20.029.429.606	-	23.538.252.528
31/12/2018	2.772.854.040	2.300.687.647	17.418.578.984	148.527.223	22.640.647.894

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 12.992.112.635 VND.

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	01/01/2018	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2018
Nguyên giá	34.922.848.137	-	-	34.922.848.137
- BĐS đầu tư cho thuê	8.295.394.780	-	-	8.295.394.780
- BĐS cho thuê giữ hộ	26.627.453.357	-	-	26.627.453.357
Giá trị hao mòn lũy kế	13.432.435.815	446.963.016	-	13.879.398.831
- BĐS đầu tư cho thuê	3.422.641.411	-	-	3.422.641.411
- BĐS cho thuê giữ hộ	10.009.794.404	446.963.016	-	10.456.757.420
Giá trị còn lại	21.490.412.322	(446.963.016)	-	21.043.449.306
- BĐS đầu tư cho thuê	4.872.753.369	-	-	4.872.753.369
- BĐS đầu tư cho thuê	16.617.658.953	(446.963.016)	-	16.170.695.937

Công ty không còn lưu giữ lại những quyết định giao nhà, quyết định giám nhà của nhà là Bất động sản cho thuê giữ hộ do thời gian phát sinh kéo dài.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Khoản mục	01/01/2018	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	31/12/2018
XDCB dở dang	479.782.076	-	-	479.782.076	-
Dự án 13 Lê Quý Đôn	479.782.076	-	-	479.782.076	-
Cộng	479.782.076	-	-	479.782.076	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

13. Chi phí trả trước dài hạn

	01/01/2018	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí	31/12/2018
- Công cụ dụng cụ	406.964.818	169.949.999	423.325.080	153.589.737
Cộng	406.964.818	169.949.999	423.325.080	153.589.737

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả đối tượng khác	26.421.341.203	14.583.099.905
- Cty TNHH CK Xây dựng Bình Tân	3.500.000.000	-
- Cty TNHH Thiết kế Xây dựng Bản Việt	1.054.888.359	-
- Cty TNHH TMDV VLXD Hải Hưng	2.125.891.227	-
- Công ty CP Vật Liệu Nam Vi Sai	1.875.970.000	-
- Công ty CP ĐT Xây dựng BMT	1.342.000.000	-
- Công ty TNHH MTV TM Thép Hải Hưng	3.123.627.330	-
- Công ty TNHH MTV TVTKXDDV Tiến Hợp	2.469.196.139	-
- Công ty TNHH Đầu Tư Phúc Gia Phát	3.058.794.590	-
- Khách hàng vãng lai XN	337.800.000	6.053.887.771
- Công ty CP SCNC	-	3.728.353.948
- Công ty CP Thiết kế Xây dựng Nguyễn Sơn	-	919.948.986
- Công ty CP SX TM VLXD Sài Gòn	-	2.364.364.200
- Công ty TNHH Soam Vina	-	1.155.965.000
- Đối tượng khác	7.533.173.558	360.580.000
Cộng	26.421.341.203	14.583.099.905

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả đối tượng khác	7.668.377.532	4.097.115.000
- Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 2	1.209.520.000	3.853.985.000
- Ban quản lý ĐTXD công trình quận 9	2.642.086.393	-
- Ban quản lý ĐTXD công trình quận Gò Vấp	3.816.771.139	-
- Đối tượng khác	-	243.130.000
Cộng	7.668.377.532	4.097.115.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2018
Thuế	21.388.885.855	26.130.207.883	39.778.896.534	7.740.197.204
1. Thuế giá trị gia tăng	2.891.158.918	5.628.420.946	8.124.708.290	394.871.574
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.713.144.647	3.870.226.310	4.409.068.739	1.174.302.218
3. Thuế thu nhập cá nhân	241.739.455	319.157.866	224.801.136	336.096.185
4. Các loại thuế khác	16.542.842.835	16.312.402.761	27.020.318.369	5.834.927.227
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Thuế khác (60% tiền cho thuê nhà SXKD)	15.612.844.429	6.954.817.153	19.981.639.817	2.586.021.765
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	929.998.406	9.354.585.608	7.035.678.552	3.248.905.462
Cộng	21.388.885.855	26.130.207.883	39.778.896.534	7.740.197.204

- **Thuế giá trị gia tăng:** Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

- Bán sản phẩm trồng trọt: Không chịu thuế
- Hoạt động khác: 10%

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế theo nhiều loại hình khác nhau có thể giải thích khác nhau, vì vậy các khoản thuế phải nộp của Công ty cũng theo quyết định của cơ quan thuế.

17. Phải trả người lao động

	31/12/2018	01/01/2018
- Phải trả công nhân viên	3.894.207.161	2.580.436.893
Cộng	3.894.207.161	2.580.436.893

Quỹ lương do Công ty tạm trích trong năm tương ứng với lợi nhuận kế hoạch đạt được với tỷ lệ tương đương các năm trước, đang chờ duyệt bởi Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh.

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018	01/01/2018
- Kinh phí công đoàn	37.119.697	46.523.463
- Phải trả các bên liên quan	-	-
- Phải trả đối tượng khác	8.613.026.531	8.798.234.629
• Giá trị nhận giữ hộ nhà Chung cư Phan Tây Hồ	8.594.401.531	8.798.234.629
• Đối tượng khác	18.625.000	-
Cộng	8.650.146.228	8.844.758.092

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Tổng cộng
- 01/01/2018	167.072.750	3.698.767.890	3.865.840.640
- Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	207.100.750	6.722.820.000	6.929.920.750
- Chi quỹ trong năm	243.600.000	6.035.680.000	6.279.280.000
- 31/12/2018	130.573.500	4.385.907.890	4.516.481.390

20. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2018	01/01/2018
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	3.834.600.000	3.855.600.000
➢ Công ty TNHH Sài Gòn Coopmart Rạch Miễu	3.000.000.000	3.000.000.000
➢ Công ty CP XD Kỹ thuật Dedco	39.600.000	39.600.000
➢ Công ty CP BĐS Khánh Việt	360.000.000	360.000.000
➢ Công ty CP Kỹ thuật và Xây dựng Gia Phú	135.000.000	135.000.000
➢ Công ty CP SN Việt Nam	180.000.000	180.000.000
➢ Đối tượng khác	120.000.000	141.000.000
Cộng	3.834.600.000	3.855.600.000

21. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	11.461.686.434	11.461.686.434	7.199.600.000	7.199.600.000
➢ Quỹ Bảo vệ Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh	11.461.686.434	11.461.686.434	7.199.600.000	7.199.600.000
Cộng	11.461.686.434	11.461.686.434	7.199.600.000	7.199.600.000

Khoản vay dài hạn VND tại Quỹ Bảo vệ Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng vay số 03-2017/HĐTD-QBVMT ngày 18 tháng 05 năm 2017 nội dung như sau:

- Tổng số tiền vay:	8.000.000.000 VND
- Lãi suất cho vay:	4,9%/ năm
- Thời hạn vay:	5 năm
- Tài sản thế chấp:	04 xe ép rác đầu tư mua mới

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN***(Đơn vị tính: VND)***22. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

	<u>Giá trị</u>
- 01/01/2018	1.709.482.000
- Tăng do trích lập trong năm (tương đương 3% Lợi nhuận trước thuế TNDN)	564.000.000
- 31/12/2018	<u>2.273.482.000</u>

23. Vốn chủ sở hữu**Tình hình góp vốn**

	<u>VND</u>
- Vốn điều lệ theo Giấy chứng đăng ký kinh doanh	57.163.000.000
- Vốn điều lệ đã góp của chủ sở hữu	57.163.000.000
- Vốn điều lệ còn phải góp	<u>-</u>

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
- Vốn góp của Nhà nước	57.163.000.000	57.163.000.000
Cộng	<u>57.163.000.000</u>	<u>57.163.000.000</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

23. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ hỗ trợ Doanh nghiệp	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
01/01/2017	57.163.000.000	1.359.205.726	3.317.922.718	-	61.840.128.444
- Chi quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển DN	-	(1.314.766.479)	-	-	(1.314.766.479)
- Lãi trong năm trước	-	-	-	14.997.546.887	14.997.546.887
31/12/2017	57.163.000.000	44.439.247	3.317.922.718	14.997.546.887	75.522.908.852
01/01/2018	57.163.000.000	44.439.247	3.317.922.718	14.997.546.887	75.522.908.852
- Trích nộp LN của nhà năm 2017	-	-	-	(1.456.118.008)	(1.456.118.008)
- Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(6.722.820.000)	(6.722.820.000)
- Tạm trích quỹ thưởng BĐH	-	-	-	(207.100.750)	(207.100.750)
- Chi quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển DN	-	-	-	(2.549.079.465)	(2.549.079.465)
- Trích lập Quỹ đầu tư phát triển 30% từ LNST năm 2017	-	-	4.062.428.664	(4.062.428.664)	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	14.981.278.326	14.981.278.326
31/12/2018	57.163.000.000	44.439.247	7.380.351.382	14.981.278.326	79.569.068.955

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN***(Đơn vị tính: VND)***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2018	2017
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	213.948.202.991	162.018.453.618
- Doanh thu hoạt động công ích	62.465.126.665	58.318.708.788
- Doanh thu hoạt động xây lắp	129.309.902.664	71.784.629.832
- Doanh thu khác	22.173.173.662	31.915.114.998
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	213.948.202.991	162.018.453.618
- Doanh thu hoạt động công ích	62.465.126.665	58.318.708.788
- Doanh thu hoạt động xây lắp	129.309.902.664	71.784.629.832
- Doanh thu khác	22.173.173.662	31.915.114.998

02. Giá vốn hàng bán

	2018	2017
- Giá vốn hoạt động công ích	42.481.179.108	38.513.727.282
- Giá vốn hoạt động xây lắp	124.431.117.016	67.703.448.084
- Giá vốn hoạt động khác	18.579.133.023	27.888.660.626
Cộng	185.491.429.147	134.105.835.992

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	2018	2017
- Lãi tiền gửi	203.920.285	479.072.908
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.948.216
Cộng	203.920.285	481.021.124

04. Chi phí tài chính

	2018	2017
- Lãi tiền vay	346.626.301	191.539.000
Cộng	346.626.301	191.539.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

05. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018	2017
- Chi phí cho nhân viên	4.993.282.595	8.515.063.495
- Chi phí vật liệu quản lý	-	68.411.927
- Chi phí đồ dùng văn phòng	645.233.205	256.119.699
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	137.116.035	-
- Thuế, phí và lệ phí	46.259.210	31.693.023
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.069.453.411	1.511.168.529
- Chi phí bằng tiền khác	1.436.041.316	1.849.436.606
Cộng	9.327.385.772	12.231.893.279

06. Thu nhập khác

	2018	2017
- Lợi nhuận từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	337.090.909	2.880.627.758
- Thu nhập khác	27.358.586	9.698.425
Cộng	364.449.495	2.890.326.183

07. Chi phí khác

	2018	2017
- Thuế bị phạt, bị truy thu	16.484.839	65.774.146
- Chi phí khác	483.142.076	25.105.091
Cộng	499.626.915	90.879.237

08. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	2018	2017
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.851.504.636	18.769.653.417
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	499.626.915	90.879.237
➤ Các khoản điều chỉnh tăng	499.626.915	90.879.237
➤ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	19.351.131.551	18.860.532.654
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	3.870.226.310	3.772.106.530
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.870.226.310	3.772.106.530

